

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHE MO

Số: 03/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khe Mo, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của xã Khe Mo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHE MO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015

Căn cứ luật ngân sách NN ngày 25/6/2015.

Căn cứ nghị định 163/2016 ND-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều chi tiết luật ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4366/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Đồng Hỷ Về dự toán thu - chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND xã Khe Mo về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Khe Mo năm 2025;

Theo đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách xã Khe Mo năm 2025
(Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND xã, bộ phận tài chính, trưởng các ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận

- Phòng TC-KH Đồng Hỷ
- TT HĐND xã
- Lưu VP, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hưng



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	8.970.500.000	TỔNG SỐ CHI	8.970.500.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	45.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	215.000.000	II. Chi thường xuyên	8.682.500.000
III. Thu bổ sung	8.710.500.000	III. Dự phòng	174.000.000
- Bổ sung cân đối	8.710.500.000	IV. Tiết kiệm chi	114.000.000
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	735.000.000	8.970.500.000
I	Các khoản thu 100%	30.000.000	30.000.000
	Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	10.000.000	10.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	705.000.000	230.000.000
1	Các khoản thu phân chia	135.000.000	90.000.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	15.000.000	15.000.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	90.000.000	45.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	570.000.000	140.000.000
	Thuế GTGT	140.000.000	140.000.000
	Thuế TNCN từ SXKD	70.000.000	
	Thuế TNCN từ CQSD đất	360.000.000	
	...		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		
	- Thu bổ sung cân đối		8.710.500.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán năm 2025		
	Tổng số	ĐTPT	TX
1	5	6	7
Tổng số	8.970.500.000		8.970.500.000
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.199.000.000		1.199.000.000
- Chi dân quân tự vệ	631.000.000		631.000.000
- Chi trật tự an toàn xã hội	568.000.000		568.000.000
2. Chi giáo dục	0		
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4. Chi y tế	146.020.000		146.020.000
5. Chi văn hóa, thông tin	45.000.000		45.000.000
6. Chi phát thanh, truyền thanh			
7. Chi thể dục, thể thao	50.000.000		50.000.000
8. Chi bảo vệ môi trường			
9. Chi các hoạt động kinh tế	42.100.000		42.100.000
CTV Thú y	42.100.000		42.100.000
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.158.380.000		7.158.380.000
10.1. Quản lý Nhà nước	4.116.492.000		4.116.492.000
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	1.265.800.000		1.265.800.000
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	733.688.000		733.688.000
10.4. Đoàn TN Cộng sản HCM	130.000.000		130.000.000
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	211.000.000		211.000.000
10.6. Hội Cựu chiến binh	211.000.000		211.000.000
10.7. Hội Nông dân	211.000.000		211.000.000
10.8. Hội Khuyến học	32.300.000		32.300.000
10.9. Hội Người cao tuổi	85.000.000		85.000.000
10.8. Hội chữ thập đỏ	53.000.000		53.000.000
10.9. Hội khác	109.100.000		109.100.000
11. Chi cho công tác xã hội	42.000.000	0	42.000.000
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	42.000.000		42.000.000
- Trợ cấp xã hội	0		
- Xã hội khác	0		
12. Tiết kiệm chi	114.000.000		114.000.000
13. Dự phòng	174.000.000		174.000.000



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ⁽¹⁾ NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm...			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ									
1. Công trình chuyển tiếp									
-									
-									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
2. Công trình khởi công mới									
-									
-									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
...									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2025		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
+ Quỹ an ninh quốc phòng						
+ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	47.030.000	47.030.000		47.030.000	47.030.000	
+ Quỹ Bảo trợ trẻ em	29.906.000	29.906.000		29.906.000	29.906.000	
+ Quỹ Vì người nghèo	15.740.000	15.740.000		15.740.000	15.740.000	
+ Quỹ đa cam						
+ Quỹ Cao tuổi	12.592.000	12.592.000		12.592.000	12.592.000	
+ Quỹ khuyến học	15.740.000	15.740.000		15.740.000	15.740.000	
+ Quỹ từ thiện nhân đạo	12.592.000	12.592.000		12.592.000	12.592.000	

Ghi chú: *Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi**Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi*